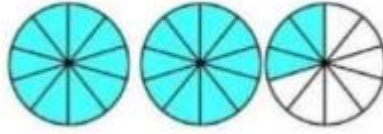


HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

ĐỀ 5

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Hỗn số chỉ số phần tô màu trong hình là:



A. $2\frac{3}{7}$

B. $3\frac{3}{10}$

C. $2\frac{3}{10}$

D. $3\frac{2}{7}$

Phương pháp

Quan sát hình vẽ để xác định hỗn số thích hợp

Lời giải

Hỗn số chỉ số phần tô màu trong hình là: $2\frac{3}{10}$

Đáp án: C

Câu 2. Số thập phân “Một trăm hai mươi lăm phẩy tám trăm linh sáu” được viết là:

A. 25,860

B. 125,86

C. 120,586

D. 125,806

Phương pháp

Đọc (hoặc viết) phần nguyên rồi đọc (hoặc viết) dấu "phẩy", sau đó đọc (hoặc viết) phần thập phân.

Lời giải

Số thập phân “Một trăm hai mươi lăm phẩy tám trăm linh sáu” được viết là: 125,806

Đáp án: D

Câu 3. Một nông trại nuôi trâu, bò và dê. Số lượng con trâu, bò và dê của nông trại lần lượt là 35 con, 78 con, 120 con. Tỉ số của số con trâu và số con dê là:



A. $\frac{35}{120}$

B. $\frac{120}{78}$

C. $\frac{78}{35}$

D. $\frac{120}{35}$

Phương pháp

Tỉ số của hai số a và b là $\frac{a}{b}$ (b khác 0)

Lời giải

Tỉ số của số con trâu và số con dê là: $\frac{35}{120}$

Đáp án: A

Câu 4. Quãng đường từ nhà Mai đến rạp chiếu phim dài 10 km. Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 500 000, quãng đường đó dài:

- A. 2 cm B. 5 cm C. 20 cm D. 2 mm

Phương pháp

- Đổi 10 km sang đơn vị cm
- Độ dài trên bản đồ = độ dài thực tế : 500 000

Lời giải

Đổi: 10 km = 1 000 000 cm

Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 500 000, quãng đường đó dài: $1\ 000\ 000 : 500\ 000 = 2$ (cm)

Đáp án: A

Câu 5. Nam lắp ráp 3 con rô-bốt giống hệt nhau từ 72 mảnh ghép lego. Hỏi Nam cần bao nhiêu mảnh ghép để lắp 9 con rô-bốt như vậy?

- A. 144 mảnh ghép B. 216 mảnh ghép C. 360 mảnh ghép D. 648 mảnh ghép

Phương pháp

Giải bài toán theo phương pháp rút về đơn vị hoặc tìm tỉ số

Lời giải

9 con rô-bốt gấp 3 con rô-bốt số lần là: $9 : 3 = 3$ (lần)

Nam cần số mảnh ghép để lắp 9 con rô-bốt như vậy là: $72 \times 3 = 216$ (mảnh ghép)

Đáp án: B

Câu 6. Trong một vòng thi IOE có 200 câu hỏi. Tỉ số giữa số câu trả lời sai và số câu trả lời đúng của

Tú là $\frac{3}{7}$. An đã trả lời đúng số câu là:

- A. 60 câu B. 140 câu C. 120 câu D. 160 câu

Phương pháp

- Tìm tổng số phần bằng nhau
- Tìm giá trị của 1 phần
- Tìm số câu đúng = giá trị của 1 phần x số phần câu đúng

Lời giải

Tổng số phần bằng nhau là: $3 + 7 = 10$ (phần)

Giá trị của 1 phần là: $200 : 10 = 20$ (câu)

Số câu trả lời đúng là: $20 \times 7 = 140$ (câu)

Đáp án: B**II. TỰ LUẬN****Câu 1.** Điền vào chỗ chấm:

Cho các số: 14,982 ; 19,037 ; 19,109 ; 14,925

a) Số có chữ số 9 ở hàng phần nghìn là:

b) Các số viết theo thứ tự từ lớn đến bé là:

Phương pháp

So sánh rồi sắp xếp các số theo thứ tự từ lớn đến bé

Lời giải

a) Số có chữ số 9 ở hàng phần nghìn là: 19,109

b) Các số viết theo thứ tự từ lớn đến bé là: 19,109 ; 19,037 ; 14,982 ; 14,925

Câu 2. Thực hiện phép tính

$$5\frac{3}{8} - \frac{4}{9} : \frac{1}{3} \qquad \frac{8}{27} \times \frac{9}{2} \times \frac{5}{24}$$

Phương pháp

- Chuyển hỗn số thành phân số rồi thực hiện tính

- Chia cả tử số và mẫu số cho các thừa số chung

Lời giải

$$3\frac{5}{8} - \frac{4}{9} : \frac{1}{3} = \frac{29}{8} - \frac{4}{9} \times \frac{3}{1} = \frac{29}{8} - \frac{4}{3} = \frac{87}{24} - \frac{32}{24} = \frac{55}{24}$$

$$\frac{8}{27} \times \frac{9}{2} \times \frac{5}{24} = \frac{8 \times 9 \times 5}{27 \times 2 \times 24} = \frac{8 \times 9 \times 5}{9 \times 3 \times 2 \times 8 \times 3} = \frac{5}{18}$$

Câu 3. Tính bằng cách thuận tiện

$$\frac{5}{7} \times \frac{15}{43} + \frac{28}{43} \times \frac{5}{7} \qquad \frac{2}{9} \times \frac{23}{7} - \frac{2}{7} \times \frac{2}{9}$$

Phương pháp

Áp dụng công thức:

$$a \times b + a \times c = a \times (b + c)$$

$$a \times b - a \times c = a \times (b - c)$$

Lời giải

$$\frac{5}{7} \times \frac{15}{43} + \frac{28}{43} \times \frac{5}{7} = \frac{5}{7} \times \left(\frac{15}{43} + \frac{28}{43} \right) = \frac{5}{7} \times 1 = \frac{5}{7}$$

$$\frac{2}{9} \times \frac{23}{7} - \frac{2}{7} \times \frac{2}{9} = \frac{2}{9} \times \left(\frac{23}{7} - \frac{2}{7} \right) = \frac{2}{9} \times \frac{21}{7} = \frac{2}{9} \times 3 = \frac{2}{3}$$

Câu 4. Điền số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

$$856 \text{ mm} = \dots\dots\dots \text{ dm}$$

$$15\,735 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ m}^2$$

$$3\text{km}^2\ 9 \text{ ha} = \dots\dots\dots \text{ km}^2$$

$$5 \text{ ha } 150 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{ ha}$$

Phương pháp

Áp dụng cách đổi: $1 \text{ dm} = 100 \text{ mm}$; $1 \text{ m}^2 = 10\,000 \text{ cm}^2$

$$1\text{km}^2 = 100 \text{ ha} ; 1\text{ha} = 10\,000 \text{ m}^2$$

Lời giải

$$856 \text{ mm} = \mathbf{8,56} \text{ dm}$$

$$15\,735 \text{ cm}^2 = \mathbf{1,5735} \text{ m}^2$$

$$3\text{km}^2\ 9 \text{ ha} = \mathbf{3,09} \text{ km}^2$$

$$5 \text{ ha } 150 \text{ m}^2 = \mathbf{5,015} \text{ ha}$$

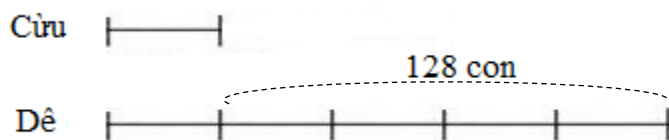
Câu 5. Một trang trại có số dê gấp 5 lần số cừ. Biết rằng số dê nhiều hơn số cừ là 128 con. Hỏi trang trại đó có bao nhiêu con dê, bao nhiêu con cừ?

Phương pháp

- Vẽ sơ đồ
- Tìm hiệu số phần bằng nhau
- Tìm giá trị của 1 phần hay số con dê
- số con cừ = Số con dê + 120 con

Lời giải

Theo đề bài ta có sơ đồ:



Theo sơ đồ, hiệu số phần bằng nhau là:

$$5 - 1 = 4 \text{ (phần)}$$

Giá trị của 1 phần hay số con cừ là:

$$128 : 4 = 32 \text{ (con)}$$

Số con dê là:

$$32 + 128 = 160 \text{ (con)}$$

Đáp số: Cừ: 32 con

Dê: 160 con